

NGHIÊN CỨU NGUỒN GỐC TỤC THỜ NGÔ QUYỀN Ở HẢI PHÒNG

Nguyễn Thúy An, Nguyễn Thị Tâm

Khoa Du lịch

Email: annt@dhhp.edu.vn

tamnt@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 05/02/2021

Ngày PB đánh giá: 03/3/2021

Ngày duyệt đăng: 12/3/2021

TÓM TẮT: Hải Phòng là vùng đất chiến lược trong cuộc chiến tranh chống quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938 dưới sự chỉ huy của Ngô Quyền. Nhân dân Hải Phòng đã xây dựng nhiều đền, từ, miếu, đình để thờ và tổ chức lễ hội tưởng nhớ công đức của Ngài. Điều đó bắt nguồn từ tục thờ anh hùng dân tộc, lòng biết ơn người có công lao to lớn với đất nước cũng như niềm tự hào của nhân dân vùng đất được gắn bó với một phần cuộc đời của Ngô Quyền.

Từ khóa: Tục thờ Ngô Quyền, Hải Phòng, di tích, lễ hội

STUDY ON ORIGINAL SOURCES IN HAI PHONG

ABSTRACT: Hai Phong was a strategic land during the war against the South Han army on Bach Dang river in 938 under the command of Ngo Quyen. The people of Hai Phong have built many temples, shrines, temples and communal houses to worship and organize festivals to commemorate his merits. That stems from the custom of worshiping national heroes, gratitude to people who have made great merits to the country as well as the pride of the people of the land that are attached to a part of Ngo Quyen's life.

Keywords: Worshiping practices of Ngo Quyen, Hai Phong, relics, festivals

1. Mở đầu

Ngô Quyền (897 – 944) là một vị anh hùng của dân tộc, ông đã tổ chức và lãnh đạo thành công cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán trên Bạch Đằng năm 938. Đây là chiến thắng vang dội có ý nghĩa lịch sử lớn lao đối với dân tộc, nó đè bẹp ý chí xâm lăng của quân Nam Hán, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự chủ và thống nhất của nước nhà. Với công lao to lớn như vậy, khi ông mất nhân dân nhiều nơi, từ quê hương ông cho đến những nơi ông nghỉ chân, tuyển binh lương và đóng quân, tổ chức kháng chiến đều lập đền, miếu để

thờ phụng và tưởng nhớ: Đền và lăng Ngô Quyền tại Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội); Đền Thượng Tiệt ở Đại Hưng (Mỹ Đức, Hà Nội); Đền Ninh Xá xã Lê Ninh (Kinh Môn, Hải Dương); Đền Nghĩa Chế xã Dị Chế (Tiên Lữ, Hưng Yên); Đền Chẹo (Tam Nông – Phú Thọ)...là một số di tích tiêu biểu thờ vị anh hùng dân tộc này tại các tỉnh thành khác.

Vào năm 1880, vua Tự Đức ra đạo sắc phong cho 17 xã ở vùng An Hải thờ Ngô Vương (hiện đạo sắc phong được gìn giữ ở miếu Hai Xã (xã Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân) và đình Đằng Giang (nay thuộc

quận Ngô Quyền). Đó là các xã: Đông Khê, Phụng Pháp, Hàng Kênh, Dư Hàng, An Biên, Vĩnh Lưu, Hạ Đoạn, Đoạn Xá, Vạn Mỹ, Trục Cát, Đồng Xá, Cát Bi, Gia Viên, Lạc Viên, Thượng Lý, Hạ Lý, An Chân. Cũng vào năm này, vua Tự Đức còn cấp đạo sắc cho 6 thôn thuộc tổng huyện An Dương lúc đó là: Lương Xâm, Trục Cát, Trung Hành, Đông Khê, Hạ Đoạn và Gia Viên, được y cữu phụng sự Ngô Vương. Sách *Đồng khánh dư địa chí lược* cũng chép: “Miếu Tiên Ngô Vương từ huyện An Dương xuống xã Lương Xâm đều thờ phụng”. [6]

Ngày nay, dấu rằng nhiều làng cũ không còn, nhiều địa danh mới xuất hiện, dân cư cũng có thay đổi, nhưng chúng ta vẫn thấy hầu như không có làng nào, xã nào, phố nào ở quận Hải An và một số địa phương khác tại Hải Phòng không thờ Ngô Quyền làm thần Thành hoàng. Hình ảnh Ngô Quyền đã trở nên gần gũi, thân thuộc với người dân và vùng đất mà ông đã lập nên kỳ công cách đây ngàn năm.

Cuốn *Hải Phòng những chặng đường lịch sử* có nêu: “Ở vùng Thủy Nguyên, An Dương, Hải An và nội thành Hải Phòng ngày nay có hơn ba chục nơi thờ Ngô Quyền và các tướng lĩnh tham gia trận Bạch Đằng năm 938” [7, tr.76]. Trong cuốn *Hải Phòng thành hoàng và lễ phẩm*, tác giả Ngô Đăng Lợi đã tiến hành khảo sát về những nơi thờ Ngô Quyền ở Hải Phòng. Theo ông: “Địa bàn Hải Phòng ngày nay có đến 28 làng thờ Ngô Quyền với thần hiệu “Ngô Vương Thiên tử” cùng con trai ông Ngô Xương Ngập với thần hiệu “Ngô Vương Thái tử” và tướng lĩnh triều Ngô (939-965)”. Từ Lương Xâm - quận Hải An, nơi thờ chính được coi là đệ nhất linh từ của huyện cổ An

Dương. Ngoài từ Lương Xâm còn có các làng sau cũng thờ: Hàng Kênh, Dư Hàng, Đông Khê, Nam Pháp, Phụng Pháp, Cát Bi, Trục Cát, Đồng Xá, Cát Khê, Hạ Lũng, Lũng Bắc, Xâm Bồ, Lương Khê, An Khê, Hào Khê, Kiêu Sơn, Đông An, Thư Trung, Lực Hành, Trung Hành, Phương Lưu, Vạn Mỹ, Đoạn Xá, Thượng Đoạn, Hạ Đoạn, Gia Viên, Lạc Viên. [3, tr.131-132]

Theo như kết quả khảo sát thực tế của chúng tôi thì hệ thống những làng thờ phụng Ngô Quyền ở Hải Phòng mà tác giả Ngô Đăng Lợi liệt kê đã khá đầy đủ, tuy nhiên còn thiếu khu vực Thủy Nguyên (đền thờ Ngô Quyền trong quần thể di tích và danh thắng Tràng Kênh thuộc thị trấn Minh Đức – Thủy Nguyên). Về số lượng các di tích, theo thống kê của chúng tôi có tới 33 di tích thờ Ngô Quyền, trong đó có 16 di tích được công nhận là các di tích cấp Quốc gia.

2. Nội dung nghiên cứu

Từ những tìm hiểu ở trên chúng ta thấy so với các địa phương khác như Hà Nội, Phú Thọ, Hưng Yên, thậm chí là quê hương Đường Lâm (Sơn Tây – Hà Nội) thì Hải Phòng là vùng đất có số lượng các di tích thờ Ngô Quyền dày đặc. Sau đây, chúng tôi xin được phân tích về cơ sở, nguồn gốc hình thành tục thờ Ngô Quyền ở Hải Phòng để làm rõ vị trí đặc biệt của vùng đất này đối với Ngô Quyền và cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Ngải Xưa kia và ý nghĩa tục thờ ngài còn được duy trì tới ngày nay.

2.1 Xuất phát từ sự thiêng hóa nhân vật lịch sử có công với đất nước

Ngô Quyền là nhân vật lịch sử có thật, được sử sách ghi chép lại về năm sinh, năm mất, quê quán, sự nghiệp và công trạng lúc

sinh thời. Ngô Quyền sinh năm 897, mất năm 944, quê ở Đường Lâm, Ba Vì, Sơn Tây nay thuộc Hà Nội. Cũng có nhà nghiên cứu cho rằng quê ông ở Thanh Hóa hoặc Hà Tĩnh do địa danh Đường Lâm huyện Phúc Lộc cũng có ở hai vùng này. Tuy nhiên, trong bài viết này chúng tôi xin không bàn đến thực hư quê hương Thanh Hóa hay Hà Tĩnh mà tạm theo ghi chép của sử sách về quê hương Đường Lâm, Sơn Tây (Hà Nội).

Theo truyền thuyết kể lại, khi mang thai gần ngày sinh nở, một hôm trong giấc ngủ trưa, bà mẹ Ngô Quyền mơ thấy một người cho một buồng cau, quả nào cũng lớn và xanh tươi. Người cho cau dặn rằng chớ có khinh thường, hãy giữ lấy để làm giống. Bà vui mừng đỡ lấy cau. Bà tỉnh dậy và sinh con trai (tức Ngô Vương Quyền). Hôm ấy là ngày mười hai tháng Ba. Khi Ngô Quyền ra đời có nhiều điềm lạ, người khôi ngô, sáng sủa, mồm có thể ngậm lọt nắm tay, hai lòng bàn tay đều có nốt ruồi đen. Bà mẹ lấy làm lạ mới đem chuyện giấc mơ vừa qua thuật lại với chồng. Ông đoán mộng cho rằng: cau là thứ cây cao và có quả tươi, tức là điềm làm cột trụ thiên hạ, nắm giữ quyền hành; đó hẳn là ngụ cái nghĩa quyền quý vậy, vì thế mới đặt tên là Quyền. Khi lớn lên, Vương có cặp mắt sáng như chớp, tiếng nói to như sấm, điệu đi uyển chuyển như rồng, bước chân vững chắc như hổ, hiền lành như phượng, oai hùng như gấu; thao lược, mưu trí, sức khỏe có thể mang nổi đỉnh lớn; rộng lượng như nước biển mùa xuân, có tấm lòng quảng đại và dung thứ.

Trong cuốn *Thiên Nam ngữ lục* (một trong những sử ca thành văn bằng thơ Nôm đậm chất dân gian), nhân dân đã xây dựng nên hình tượng Ngô Quyền được truyền tụng ở thế kỷ XVII:

Thuở Quyền mẹ mới thai sinh
Có điềm khí đỏ nhiều quanh khắp nhà
Hòa làng nước khí hương hoa
Gió đưa ngàn dặm, mưa sa một hồi
Sau lưng có ba nốt ruồi
Con mắt như chớp, dải tai như trằm
Nói lời tựa sấm ầm ầm
Nằm tựa rồng nằm, đi tựa rồng đi...[4]

Có thể thấy, mô típ khi nhân vật anh hùng sinh ra có điềm lạ hoặc có đặc điểm khác người khá phổ biến. Thần tích về sự ra đời của nữ tướng Lê Chân, Triệu Thị Trinh, Lê Hoàn, Đinh Bộ Lĩnh, Trần Quốc Tuấn... cũng thường được dân gian gắn với nhiều điềm khác thường. Có lẽ, dân gian muốn giải thích về sự khác biệt, sự xuất hiện của các bậc kỳ tài như có điềm trời báo trước, thiên nhân ứng hợp với nhau.

Trong chính sử, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* mô tả Ngô Quyền “*khôi ngô, mắt sáng như chớp, dáng đi thông thả như hổ, có trí dũng, sức có thể nâng được vạc*” [1, tr.245].

Chính những phản ánh trên đã ảnh hưởng đến việc sau này các nghệ nhân khi tạo tác thần tượng Ngô Quyền để thờ trong các di tích đều nhấn mạnh đến những điểm nổi bật trên dung mạo và thần thái của Ngài như: khuôn mặt với đôi lông mày lưỡi mác, mắt sáng, tai to, có râu cằm dài, thần thái cương trực... toát lên vẻ tinh anh của bậc quân tử đế vương. Qua đó thể hiện sự thiêng hóa con người thật mà nhân dân vốn rất tôn kính.

Trước khi lãnh đạo nhân dân lập nên chiến công trận thủy chiến Bạch Đằng lừng lẫy, Ngô Quyền đã từng cùng cha là Ngô Mân tham gia bảo vệ chính quyền họ Khúc. Sau khi Tiết độ sứ Khúc Thừa Dụ bị giặc

bất, thế lực của Dương Đình Nghệ ở châu Ái ngày càng mạnh, họ Dương dốc lòng dốc sức chuẩn bị lực lượng, thu hút hào kiệt để khôi phục lại đất nước. Ngô Quyền đã trở thành trợ thủ thân tín của Dương Đình Nghệ, có công lớn trong việc đánh đuổi thứ sứ nhà Nam Hán là Lý Tiến và đánh tan viện binh của chúng. Dương Đình Nghệ vì mến mộ tài đức mà tin gả con gái là Dương Thị Như Ngọc cho Ngô Quyền. Từ đây, Ngô Quyền được giao trọng trách giữ vững an ninh vùng châu Ái từ năm 931 đến đầu năm 938.

Năm 937, tên phản bội Kiều Công Tiễn đã giết Dương Đình Nghệ để mưu đồ đoạt lấy chính quyền và chức Tiết độ sứ. Vận mệnh của đất nước lại càng nguy nan hơn khi ở phương Bắc, cha con Lưu Cung đang chuẩn bị lực lượng để xâm lược nước ta lần thứ hai. Căm phẫn trước sự phản trắc của Kiều Công Tiễn, lực lượng của nhiều hào trưởng và nhân dân ta dần dần quy tụ về Ngô Quyền. Tiễn thấy thế cô lực yếu đã đề hèn cho người sang cầu cứu vua Nam Hán là Lưu Cung. Vin vào cớ đó, nhà Nam Hán càng ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta và cuộc chiến tranh giữa nhân dân ta với địch là không thể tránh khỏi.

Sử sách đã nhận định về Ngô Quyền khi xử trí tình hình là “mưu giỏi mà đánh cũng giỏi”. Để có thể làm chủ hoàn cảnh, Ngô Quyền dành một năm để xây dựng lực lượng và chuẩn bị mọi mặt. Khi nhận thấy nguy cơ nhà Nam Hán xâm lược đến gần và lực lượng dân tộc đã lớn mạnh, Ngô Quyền từ châu Ái tiến công ra thành Đại La giết chết tên phản tặc Kiều Công Tiễn và bẻ lũ phản bội, cắt đứt nội ứng cho quân địch khi vào nước ta. Ngô Quyền chính là vị anh hùng dân tộc đầu tiên trừ khử kẻ phản bội trước khi quân giặc đến.

Chính sự ngưỡng mộ và tin tưởng vào tài năng Ngô Quyền của nhân dân đã tạo sức mạnh to lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938. Khi đoàn binh thuyền Nam Hán với hàng vạn quân thiện chiến do thái tử Hoảng Thao chỉ huy vừa tiến vào vùng cửa sông Bạch Đằng đã bị quân ta chặn đánh tan tành. Toàn bộ quân Nam Hán cùng tướng giặc, thuyền chiến đều bị nhấn chìm dưới dòng sông Bạch Đằng. Dù thời Hai Bà Trưng đánh quân Đông Hán, Triệu Quang Phục đánh quân Lương... nhân dân ta đã sử dụng thuyền chiến và đánh trận trên sông nước, hồ ao, đầm lầy nhưng có thể khẳng định: năm 938 dưới sự lãnh đạo tài tình của Ngô Quyền, nhân dân ta đã mở đầu cho truyền thống đánh giặc thủy chiến Bạch Đằng. Trận quyết chiến 938 có ý nghĩa to lớn kết thúc hơn một nghìn năm Bắc thuộc, mở ra thời kỳ độc lập cho nước nhà.

Sau chiến thắng Bạch Đằng 938, mùa xuân năm 939, Ngô Quyền xưng Vương đóng đô tại Cổ Loa. Việc quyết định bỏ chức Tiết độ sứ và xưng vương, thành lập nước nhà độc lập tự chủ đã khẳng định trí tuệ và tài năng vượt trội của Ngô Quyền. Nhà sử học Ngô Sĩ Liên nhận xét rất xác đáng rằng: “Tiền Ngô [Vương] nổi lên không chỉ có công chiến thắng mà thôi, việc đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục, có thể thấy được quy mô của bậc đế vương” [1, tr.246].

Nói về việc đức Ngô vương ở ngôi được 6 năm thì mất, nhiều nhà sử học đã dùng đến cụm từ “đáng tiếc thay” để thể hiện niềm nuối tiếc bậc anh hùng tài đức sớm ra đi. Sử sách cũng không ghi chép rõ về việc đặt trăm quan, triều nghi, phẩm phục thời Ngô vương nhưng nhà Ngô

cũng đã góp công hình thành và xác định chế độ quân chủ tập trung trong buổi đầu dựng nước.

Với tình cảm yêu mến, ngưỡng vọng vị anh hùng dân tộc, có công lao to lớn với đất nước, sau khi ông mất, nhân dân đã thêu dệt nên những câu chuyện, truyền thuyết, khiến cho Ngô Quyền trở thành một vị thần với sự linh thiêng, kỳ vĩ, bất tử trong lòng dân chúng.

Theo truyền thuyết dân gian kể lại rằng: Ngô Quyền cưỡi cọc từ vùng Lương Xâm đến vùng cửa Nam Triệu. Sau khi Ngài qua đò, một hôm có cây gỗ trầm hương trôi đến xã Lương Xâm. Dân 3 làng Hạ Đoạn, Lương Xâm, Xâm Bồ kéo nhau ra vớt lấy cây gỗ về tạc tượng Ngô Quyền. Sau khi vớt được cây gỗ, các làng tổ chức lễ xin thần để xem làng nào được làm nơi thờ chính. Người dân làng Lương Xâm kể lại, 2 làng Hạ Đoạn và Xâm Bồ làm lễ rất lớn, mổ trâu, lợn làm lễ nhưng không xin được lộc ngài. Riêng làng Lương Xâm chỉ làm một cái lễ nhỏ là coi trâu, nậm rượu mà xin một lần được ngay. Vì vậy, làng Lương Xâm được coi là anh cả, từ Lương Xâm được tôn làm “tứ cá” trong các di tích thờ Ngô Quyền và được chia đoạn gỗ gốc nên tạc tượng Ngô Quyền to và đẹp hơn cả. Làng Hạ Đoạn được chia đoạn giữa, còn làng Xâm Bồ được chia đoạn ngọn. Vì vậy, lễ rước trong lễ hội tưởng nhớ Ngô Quyền trước đây thì đoàn rước của làng Lương Xâm bao giờ cũng đi đầu, tiếp đến là đoàn rước làng Hạ Đoạn, sau đó mới đến làng Xâm Bồ và những nơi khác.

Ngoài ra, nhiều câu chuyện về sự linh ứng của đức Vương Ngô Quyền cũng được nhân dân lưu truyền từ đời này sang đời khác, chẳng hạn câu chuyện Ngài trừng phạt những kẻ có hành động phá hoại các

di tích thờ phụng, về những vật dụng trong từ Lương Xâm từng bị đánh cắp, thất lạc rồi cũng quay trở lại từ... Câu chuyện về kiệu bay trong lễ rước, hay trong những năm tổ chức lễ hội gặp lúc trời mưa tầm tã, nhưng bao giờ đến thời gian diễn ra lễ rước thì mưa lại tạnh, người dân cho rằng đó là do thần phù hộ. Rất tình cờ, trong 3 năm chúng tôi tham dự lễ hội ở từ Lương Xâm thì đều diễn ra sự trùng lặp ngẫu nhiên đúng như lời người dân ở đây kể.

2.2 Xuất phát từ niềm tự hào của nhân dân vùng đất được Ngô Quyền chọn làm địa bàn chiến lược trong cuộc chiến lịch sử năm 938

Là vùng đất đầu sóng, ngọn gió, “phên dậu” phía Đông của đất nước, Hải Phòng có vị thế chiến lược trong toàn bộ tiến trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Đặc biệt, đây là vùng đất in đậm dấu ấn trong trận đánh Bạch Đằng năm 938 chống quân Nam Hán của Ngô Quyền. Trong trận này, toàn bộ vùng Đông Nam quận Hải An và vùng nội thành Hải Phòng hiện nay vừa là nơi Ngô Quyền trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng trận địa quyết chiến, vừa là nơi bố trí lực lượng dự bị, sẵn sàng tiếp ứng cho những nơi cần thiết.

Sông Bạch Đằng hiện nay chảy giữa huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng) và thị xã Quảng Yên (Quảng Ninh). Tuy nhiên, cửa biển Bạch Đằng trước đây - nơi Ngô Quyền bố trí trận địa cọc để đón đánh quân Nam Hán còn nằm sâu trong đất liền so với ngày nay và là cửa của 2 con sông Bạch Đằng và sông Cấm đổ ra biển, được xác định ở vào khoảng làng Vũ Yên (vùng đất Đông Nam quận Hải An ngày nay). Theo các nhà nghiên cứu về địa chất học thì vào khoảng thế kỷ X, vùng đất từ khu vực nội thành

ra đến phía Đông Nam quận Hải An (Hải Phòng) mặc dù đã tương đối ổn định và bắt đầu được khai phá, song vẫn còn dày đặc những hồ đầm, lạch thoát triều và thường xuyên chịu ảnh hưởng trực tiếp của sóng biển, thủy triều. Do chịu ảnh hưởng trực tiếp của các giai đoạn biển tiến, biển thoái mà các gò đất ở vùng bờ biển dần dần hình thành, càng làm tăng thêm sự hiểm trở của địa hình vùng cửa biển Bạch Đằng. [8, tr.37]

Do ở gần biển, nước sông Bạch Đằng lên xuống theo thủy triều. Tác giả Nguyễn Ngọc Thụy nghiên cứu về đặc điểm thủy triều của dòng sông này như sau: nước triều thường lên cao nhất từ khoảng 2 giờ đến 9 giờ sáng và xuống thấp nhất vào khoảng chiều và chiều tối, mức chênh lệch khoảng trên dưới 0,5m (thời kỳ nước kém) và có thể lên tới 2,1-3,7m (thời kỳ triều cường). Trong thời kỳ triều cường, tốc độ lên xuống của thủy triều cũng rất mạnh, khi rút mạnh nhất là khoảng 30-50cm/giờ [9; tr.32-34]. Như vậy khả năng lớn là trận đánh năm 938 xảy ra vào ban ngày. Việc khiêu chiến, đánh úp giặc đã được Ngô Quyền nghiên cứu, tận dụng tất cả địa hình, chế độ thủy triều ở đây để ra trận quyết chiến.

Theo thần tích đình Gia Viên (còn gọi là đình Cấm), để chuẩn bị cho trận Bạch Đằng năm 938, Ngô Quyền đã tuyển mộ những người làm “thần tử chi binh” xông pha chiến trận. Mặc dù sử sách không chép nhưng dựa trên thần tích và truyền thuyết cho thấy cùng Ngô Quyền đánh giặc có các nhân vật: Ngô Xương Ngập, Dương Tam Kha, ba anh em họ Lý (Lý Minh, Lý Bảo, Lý Khả), Phạm Bạch Hổ, Đỗ Cảnh Thạc... Đặc biệt phải kể đến 2 chàng trai người làng Gia Viên là Đào Nhuận và Nguyễn Tất Tố. Trong trận Bạch Đằng, Nguyễn

Tất Tố được Ngô Quyền giao cho trọng trách đảm nhận 20 thuyền nhỏ gồm những chiến sĩ tinh nhuệ, gan dạ, là dân vùng cửa biển Bạch Đằng, quen vẫy vùng trên sông nước, đọit giặc tới như chúng vào qua bãi cọc, lọt sâu vào trận địa mai phục của ta. Tướng Đào Nhuận thì được giao dẫn quân vào rừng lấy gỗ, vót cọc nhọn để cắm vùng cửa biển, đồng thời cử đem một ngàn quân cung nỏ, bố trí mai phục 2 bên bờ sông Bạch Đằng, làm nhiệm vụ bất ngờ đánh chặn đầu quân địch, khiến cho quân địch không kịp trở tay.

Trong thời gian đầu chuẩn bị chiến trường, Ngô Quyền đã chọn thôn Lương Xâm làm đại bản doanh. Tại đây hiện nay vẫn còn dấu vết của thành Vành Kiệu, là một thành đất được đắp trên gò cao, cách cửa biển Bạch Đằng chưa đầy 3 km. Thành có hình giống như vành kiệu nên nhân dân quen gọi là thành Vành Kiệu. Ở phía Bắc và Tây Bắc của thành xưa là các hồ, đầm, lạch thoát triều, phía Nam là khu đồng trũng, phía Đông và Đông Nam là xóm bãi cát và xung quanh thành cây mọc như rừng. Ở bên trong thành (về phía sau của từ Lương Xâm hiện nay) có 1 gò đất cao hơn 1m so với mặt ruộng, rộng khoảng 200 m², nhân dân địa phương gọi là Gò Soi và giải thích là nơi Ngô Quyền đặt vị trí quan sát trận địa. Phía trước và sau từ Lương Xâm hiện nay vẫn còn 4 giếng nước, tương truyền rằng khi đóng quân ở đây, Ngô Quyền đã sai quân lính đào những giếng này để lấy nước ăn. Như vậy, thành Vành Kiệu được dựng bên hữu ngạn sông Cấm, đây là vị trí thuận lợi để Ngô Quyền chỉ huy việc xây dựng bãi cọc, bố trí lực lượng cho cuộc chiến với quân giặc.

Sau đó, Ngô Quyền chọn Gia Viên (ở vùng trung tâm thành phố và bến cảng Hải

Phòng hiện nay) là nơi đặt chỉ huy sở để tiện cho việc chỉ huy chiến đấu. Theo kí ức của dân làng Gia Viên thì đồn Gia Viên xưa được xây dựng trên gò đất khá cao ở khu vực UBND Thành phố hiện nay. Đặt chỉ huy sở tại Gia Viên, Ngô Quyền có thể trực tiếp chỉ huy đánh chặn đầu đoàn thuyền giặc, huy động lực lượng tiếp ứng cho bất cứ vị trí nào khi cần thiết và tổ chức trận đánh tiêu diệt đoàn thuyền giặc khi chúng đã tiến sâu vào trận địa cọc của quân ta. Đồng thời đây là nơi quy tụ rất nhiều tướng tài, thực hiện huấn luyện binh sĩ chuẩn bị cho trận chiến. Do có công lao và cống hiến to lớn vào chiến thắng Bạch Đằng năm 938 nên sau ngày chiến thắng, Ngô Quyền đã cho làng Gia Viên làm “Hộ nhi tạo lệ” (chuyên việc thờ vua), được miễn mọi thứ binh lương, thuế khóa. Chế độ này lâu dần trở thành lệ và được duy trì mãi về sau [5, tr.61-62]. Hiện nay, khu vực nội thành mà Ngô Quyền đặt chỉ huy sở trong trận Bạch Đằng năm 938 được UBND Thành phố Hải Phòng đặt tên gọi là quận Ngô Quyền để tưởng nhớ công ơn của Ngài.

Ngoài ra, vùng đất Trung Hành (phường Đằng Lâm, quận Hải An) được biết đến là nơi tập hợp những thuyền chiến nhỏ của Ngô Quyền để chuẩn bị cho cuộc chiến; Đông Khê, Phụng Pháp (quận Ngô Quyền) và nhiều làng xã khác có hệ thống bố phòng, tích trữ quân lương. Tất cả sức người, sức của và vị thế của biển Bạch Đằng đã đưa Hải Phòng trở thành vùng đất chiến lược trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938.

Trong kí ức của những người dân thuộc nhiều làng xã ở thành phố Hải Phòng, hình ảnh người anh hùng dân tộc Ngô Quyền

luôn tồn tại như một niềm tự hào to lớn. Sau khi Ngô Quyền mất, nhân dân các làng xã từng cùng ông đánh giặc thuở trước đã xây dựng rất nhiều đình, đền, miếu để tôn thờ với mong muốn ông là một vị phúc thần có đủ sức mạnh bảo hộ dân làng trong cuộc sống. Trong tâm thức của người Việt Nam nói chung và của người dân Hải Phòng - nơi đã cùng ông đánh giặc nói riêng, chiến công của Ngô Quyền là chiến công thần thoại, được âm phù dương trợ, được thần và người cùng giúp. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của một hệ thống các di tích tại Hải Phòng tôn thờ người anh hùng dân tộc Ngô Quyền.

2.3 Xuất phát từ truyền thống ghi công và tôn vinh anh hùng dân tộc của Nhà nước và nhân dân

Ở Việt Nam ngày nay, có rất nhiều các công trình tâm linh như đền, miếu, am, đình, chùa...thờ tự các vị anh hùng dân tộc có công với nước. Những nhân vật lịch sử như Ngô Quyền, Lê Hoàn, Trần Hưng Đạo, Quang Trung,...sau khi mất thường được Nhà nước và nhân dân tôn vinh, lập cơ sở thờ tự. Đây là hình thức ghi công, tôn vinh có sự đồng thuận cao giữa Nhà nước và nhân dân, cũng là cách để lưu lại truyền thống và giáo dục thế hệ sau noi theo tài đức của các vị anh hùng dân tộc.

Với quan niệm “sinh vi tướng, tử vi thần”, những vị anh hùng dân tộc sau khi mất thường được triều đình phong kiến và nhân dân gắn với những câu chuyện linh ứng lạ thường. Thông thường là “âm phù” giúp vua quan đánh thắng giặc hoặc có những điềm báo trước giúp tránh tai ương...Chính vì thế, những triều đại phong kiến sau này thường căn cứ công trạng của vị thần khi còn tại dương hay sau khi mất

mà phong tước hiệu, cấp tiền của xây dựng di tích thờ hay những quy định khác liên quan đến lễ nghi thờ tự vị thần.

Trong bản thần tích về Ngô Quyền do Đông các điện Đại học sỹ Nguyễn Bính phụng soạn và bản dịch do Hoàng Khắc Nhượng - cán bộ của Tổ kiểm kê di tích lịch sử của Bảo tàng Hải Phòng thực hiện, có đoạn: Vương là người đa mưu, thiện chiến, công tái tạo ấy thực xứng đáng là đứng đầu mọi vương hầu. Quần thần suy tôn là Tiên Ngô Vương. Đến đời Hậu Ngô Vương lên ngôi, suy tôn ngài là Anh Vũ Hoàng đế và ban chiếu chỉ cho trong nước, những nơi mà trước ngài có lập hành cung đều dựng đền miếu phụng thờ. Lúc ấy, xã Gia Viên được tin ngài đã mất, dân cảm công ơn trước nên ngay ở chỗ hành cung cũ, dân làng trang hoàng điện miếu phụng sự gọi là đền Thiên Tử Tiên Ngô Vương. Đền rất linh ứng. Đời vua Lý Thái Tông, niên hiệu Minh Đạo, năm Quý Mùi (1043), vua thân đi đánh Chiêm Thành qua kêu cầu ở đền Gia Viên, vương có công âm phù nên vua đã trả ơn bằng hai chữ “Nhân Hậu” và “Hoàng Tín”. Đời Trung Hưng nguyên niên (1285) tặng “Anh Dũng Uy Liệt”. Đời Hưng Long năm thứ 21 thuộc Trần Anh Tông (1313) tặng “Minh Văn Thánh Vũ” để tỏ đức mặc vận âm phù vậy.

Từ nội dung đoạn thần tích trên cho thấy ngay sau khi Ngô Quyền mất, quần thần nhà Ngô đã suy tôn và thờ phụng Ngài. Những triều đại thời Lý, thời Trần cũng luôn ghi nhớ công lao âm phù của Ngài.

Đặc biệt, căn cứ vào các bản thần tích thần sắc, các đạo sắc phong mà chúng tôi tiếp cận được trong quá trình nghiên cứu cho thấy từ cuối triều Lê đến nhà Nguyễn, triều đình phong kiến thường phong sắc, giữ

nguyên hoặc thăng trật mà không giáng trật thần. Điều đó cho thấy triều đình phong kiến luôn ghi nhận và đánh giá cao công lao to lớn của Ngô vương Quyền. Tiêu biểu như di tích Từ Lương Xâm còn lưu giữ 31 đạo sắc phong có niên đại từ đầu thế kỷ XVII (triều Lê) đến năm 1924 (triều Nguyễn). Đặc biệt, với đạo sắc phong của vua Tự Đức vào năm 1880 cho phép 17 xã ở vùng An Hải thờ Ngô Vương. Đó là các xã: Đông Khê, Phụng Pháp, Hàng Kênh, Dư Hàng, An Biên, Vĩnh Lưu, Hạ Đoạn, Đoạn Xá, Vạn Mỹ, Trục Cát, Đồng Xá, Cát Bi, Gia Viên, Lạc Viên, Thượng Lý, Hạ Lý, An Chân. Cũng vào năm này, vua Tự Đức còn cấp đạo sắc cho 6 thôn thuộc tổng huyện An Dương lúc đó là: Lương Xâm, Trục Cát, Trung Hành, Đông Khê, Hạ Đoạn và Gia Viên được y cựu phụng sự Ngô Vương. Sách *Đồng Khánh dư địa chí lược* cũng chép: “Miếu Tiên Ngô Vương từ huyện An Dương xuống xã Lương Xâm đều thờ phụng” [6].

Việc vua chúa nhà Nguyễn từ thời vua Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định cấp sắc phong cho nhiều địa phương ở Hải Phòng cho thấy sự quan tâm đặc biệt của chính quyền đến việc phụng thờ Ngô Quyền. Có lẽ, Nhà nước thấy cần thiết phải ôn lại truyền thống yêu nước và niềm tự hào về chiến thắng trước ngoại bang xâm lược mà nghìn năm về trước đức Ngô vương đã gây dựng nên.

Ngày nay, tiếp nối truyền thống tôn vinh các anh hùng dân tộc, chính quyền và nhân dân Hải Phòng đã dựng tượng đài Ngô Quyền phía bên trái khuôn viên mở rộng của từ Lương Xâm. Tượng đài được xây dựng năm 2010 với kích thước tượng là 9,27m x 5,64m x 3,92m. Chiều cao bệ

tượng: 2,1m. Chiều cao tượng + bệ: 11,37m. Chất liệu xây dựng bằng đá đúc Granit phủ đồng điện phân. Tượng nhìn về phía Đông, phía cửa sông Bạch Đằng - nơi diễn ra trận Bạch Đằng lịch sử năm 938. Tượng đứng trong tư thế như đang chỉ huy trận chiến, tay phải chỉ thẳng về phía cửa sông Bạch Đằng như đang điều hành trận đánh, tay trái đặt lên chuôi gươm. Công trình xây dựng tượng đài Đức Vương Ngô Quyền có ý nghĩa lớn đối với nhân dân nhân dân Hải Phòng, đó là biểu tượng về lòng yêu nước, tinh thần đại đoàn kết và tự hào dân tộc.

3. Kết luận

Hòa trong dòng chảy chung của nền văn hóa dân tộc, người dân Hải Phòng cũng thờ phụng nhiều vị anh hùng lịch sử như Lê Chân, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Mạc Đăng Dung, Phạm Tử Nghi... Trong đó, việc phụng thờ Ngô Quyền có dấu ấn vô cùng đậm nét với một hệ thống các di tích thờ ông tập trung dày đặc ở khu vực phía Đông Nam và trung tâm thành phố. Ngài là một nhân vật lịch sử có thật nhưng trong tâm thức dân gian đã trở thành thần thánh, có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của cộng đồng. Từ xưa cho đến nay, Ngô Quyền đã trở thành nhân vật trung tâm của những sinh hoạt văn hóa, lễ hội trong vùng.

Nghiên cứu về nguồn gốc của tục thờ Ngô Quyền ở Hải Phòng, chúng tôi muốn nhấn mạnh vị trí đặc biệt của vùng đất này trong trận đánh trên sông Bạch Đằng năm 938. Đồng thời cũng khẳng định việc phụng thờ Ngô Quyền là một nét đẹp văn hóa truyền thống của nhân dân nơi đây. Việc phụng thờ Ngô Quyền ở Hải Phòng cũng như tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc của người Việt, ngoài ý nghĩa góp phần

tạo nên sự cố kết cộng đồng, hướng về cội nguồn, giúp cân bằng đời sống tâm linh, tạo ra sự giao lưu văn hóa... nó còn hàm chứa trong đó nhiều giá trị văn hóa truyền thống mang tính nhân văn, nổi bật là giá trị giáo dục đạo đức, giáo dục truyền thống đoàn kết, yêu nước cho các thế hệ trẻ, góp phần hình thành và hoàn thiện nhân cách cho mỗi cá nhân trong cộng đồng xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư (Tập 1)* (Dịch và chú thích: Phan Huy Lê; Hiệu đính: Hà Văn Tấn - 2009), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Phan Huy Lê (chủ biên) (2010), *Lịch sử Việt Nam (Tập 1: từ nguồn gốc đến cuối thế kỷ XIV)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Ngô Đăng Lợi (2010), *Hải Phòng Thành hoàng và lễ phẩm*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
4. Nguyễn Lương Ngọc và Đinh Gia Khánh phiên âm chú thích giới thiệu (1958), *Thiên Nam ngữ lục*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
5. Nguyễn Quang Nguyễn, Đặng Thị Vân Chi (1985), “Phải chăng Gia Viên là làng gốc của Hải Phòng”, *Nghiên cứu lịch sử Hải Phòng*, (3), tr.59-67, 70.
6. Sở Văn hóa thông tin, Bảo tàng Hải Phòng (1982), *Hồ sơ di tích từ Lương Xâm, xã Nam Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng*, bản đánh máy.
7. Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố Hải Phòng (2010), *Hải Phòng những chặng đường lịch sử*, Nxb Hải Phòng.
8. Trần Đức Thanh (1987), “Vùng cửa sông Bạch Đằng”, *Nghiên cứu lịch sử Hải Phòng*, (2), tr.33-41.
9. Nguyễn Ngọc Thụy (1982), “Thuyền triều trong chiến thắng Bạch Đằng năm 938”, *Nghiên cứu lịch sử*, (2), tr.30-36
10. UBND quận Hải An (2013), *Di sản văn hóa quận Hải An những dấu ấn lịch sử*, Nxb Hải Phòng.